

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2017

NGHỊ ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 28 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng như sau:

“4. Khai, tính và nộp thuế giá trị gia tăng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng của các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thực hiện như sau:

- Các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc Tổng công ty phát điện thực hiện khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế đối với hoạt động sản xuất điện tại địa phương nơi đóng trụ sở công ty.

- Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất điện được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT phải} \\ \text{nộp của hoạt động} \\ \text{sản xuất điện} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT} \\ \text{đầu ra} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT đầu} \\ \text{vào được khấu trừ} \end{array}$$

- Số thuế GTGT đầu ra được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế} \\ \text{GTGT đầu ra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Sản lượng} \\ \text{điện} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá tính} \\ \text{thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{GTGT (10\%)} \end{array}$$

Trong đó:

Sản lượng điện là sản lượng giao nhận theo đồng hồ đo đếm điện có xác nhận giữa công ty sản xuất điện với Công ty truyền tải điện và công ty mua bán điện.

Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với điện của các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện. Trường hợp các công ty sản xuất điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện không trực tiếp bán điện cho khách hàng thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định như sau:

Giá tính thuế đối với điện của các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc là giá bán điện cho công ty mẹ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để áp dụng thống nhất nhưng không thấp hơn chi phí sản xuất điện bình quân năm trước liền kề (không bao gồm chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá) của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và của các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tổng công ty phát điện.

Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với công ty nhiệt điện là giá bán cho công ty mẹ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam công bố trước ngày 31 tháng 3 hàng năm để áp dụng thống nhất nhưng không thấp hơn giá mua điện bình quân năm trước liền kề của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ là tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện khấu trừ thuế theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng”.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2017. Bãi bỏ Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**QUY CHẾ****Quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam**
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 10/2017/NĐ-CP
ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ)***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định việc quản lý tài chính đối với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
2. Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các quy định về quản lý tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của Chính phủ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Quy chế này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam” là nhóm các công ty có tư cách pháp nhân độc lập, bao gồm:
 - a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam (doanh nghiệp cấp I);
 - b) Các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo;
 - c) Các công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (doanh nghiệp cấp II);
 - d) Các công ty con của doanh nghiệp cấp II (doanh nghiệp cấp III);
 - đ) Các công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.
2. “Tập đoàn Điện lực Việt Nam” (sau đây viết tắt là EVN) là công ty mẹ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN.
3. “Đơn vị trực thuộc EVN” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc EVN, bao gồm: Các đơn vị sự nghiệp (các trường đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm), các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh, các đơn vị trực thuộc không hoạt động kinh doanh và các đơn vị khác được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. “Công ty con của EVN” là các tổng công ty, các công ty hạch toán độc lập do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối hoặc nắm giữ quyền chi phối khác, được tổ chức dưới các hình thức: Công ty trách nhiệm

hữu hạn một thành viên (công ty TNHH một thành viên), công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (công ty TNHH hai thành viên trở lên), công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật.

5. “Công ty liên kết của EVN” (sau đây gọi tắt là công ty liên kết) là các công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối của EVN; công ty không có vốn góp của EVN tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, các dịch vụ khác với EVN.

6. “Đơn vị thành viên của EVN” bao gồm các đơn vị trực thuộc và công ty con.

7. “Vốn điều lệ của EVN” là vốn do Nhà nước đầu tư và được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN.

8. “Cổ phần, vốn góp chi phối của EVN” là cổ phần hoặc vốn góp của EVN chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của doanh nghiệp đó.

9. “Người quản lý doanh nghiệp” bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của EVN.

10. “Quyền chi phối của EVN” là quyền của EVN đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- a) Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
- b) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
- c) Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp;
- d) Quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
- đ) Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;
- e) Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa EVN và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

11. “Người đại diện phần vốn của EVN tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn” là cá nhân được EVN ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của EVN đối với phần vốn của EVN đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn (sau đây được gọi tắt là “Người đại diện”).

Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.